

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON NHỊ XUÂN

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ đạt được	Tổng số học sinh: 45 - Sức khỏe bình thường 42/45 tỷ lệ 93,34% - Suy dinh dưỡng nhẹ cân + Đầu vào: 02/45 tỷ lệ 4,44% + Cuối năm 1/45 tỷ lệ 2,22%. - Thừa cân , béo phì: + Đầu vào: 05/45 tỷ lệ 11,11% + Cuối năm 2/45 tỷ lệ 4,44% - Suy dinh dưỡng thấp còi, thể còi: 0	Tổng số học sinh: 353 - Sức khỏe bình thường 330/353 tỷ lệ 93,48% - Suy dinh dưỡng nhẹ cân + Đầu vào: 11/353 tỷ lệ 3,12% + Cuối năm 1/353 tỷ lệ 0,28%. - Thừa cân , béo phì: + Đầu vào: 60/353 tỷ lệ 16,99% + Cuối năm 22/353 tỷ lệ 6,23% - Suy dinh dưỡng thấp còi, thể còi: + Đầu vào: 3/353 tỷ lệ 0,85% + Cuối năm 2/353 tỷ lệ 0,57%.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư 51/2020/BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT .	Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư 51/2020/BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT .
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Lĩnh vực thể chất: + Tốt 42/45 trẻ tỷ lệ 93,33% + Khá: 3/45 trẻ tỷ lệ 6,67% - Lĩnh vực ngôn ngữ: + Tốt 43/45 trẻ tỷ lệ 95,56% + Khá: 2/45 trẻ tỷ lệ 4,44% - Lĩnh vực nhận thức: + Tốt 40/45 trẻ tỷ lệ 88,89% + Khá: 5/45 trẻ tỷ lệ 11,11% - Lĩnh vực tình cảm kỹ năng xã hội, thẩm mỹ: + Tốt 45/45 trẻ tỷ lệ 100%	- Lĩnh vực thể chất: + Tốt 323/353 trẻ tỷ lệ 91,5% + Khá: 30/353 trẻ tỷ lệ 8,5% - Lĩnh vực ngôn ngữ: + Tốt 336/353 trẻ tỷ lệ 95,18% + Khá: 17/353 trẻ tỷ lệ 4,82% - Lĩnh vực nhận thức: + Tốt 338/353 trẻ tỷ lệ 95,75% + Khá: 15/353 trẻ tỷ lệ 4,25% - Lĩnh vực tình cảm kỹ năng xã hội + Tốt 346/302 trẻ tỷ lệ 98,02%

			+ Khá: 7/353 trẻ tỷ lệ 1,98% - Lĩnh vực thẩm mỹ: + Tốt 327/353 trẻ tỷ lệ 92,63% + Khá: 26/353 trẻ tỷ lệ 7,37%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Thực hiện tốt	Thực hiện tốt

Hóc Môn, ngày 06 tháng 6 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Kim Tiên

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON NHỊ XUÂN

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	12-24 tháng tuổi	24-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	398	0	14	31	89	112	152
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	398	0	14	31	89	112	152
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	398	0	14	31	89	112	152
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	398	0	14	31	89	112	152
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	398	0	14	31	89	112	152
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	398	0	14	31	89	112	152
1	Số trẻ cân nặng bình thường	372	0	14	28	82	103	145
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	02	0	0	01	01	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	396	0	14	31	88	112	151
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	02	0	0	0	01	0	01
5	Số trẻ thừa cân béo phì	24	0	0	02	06	09	07
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	398	0	14	31	89	112	152

1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	45	0	14	31	0	0	0
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	353	0	0	0	89	112	152

Hóc Môn, ngày 06 tháng 6 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Kim Tiên

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON NHỊ XUÂN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non,
năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	20	
II	Loại phòng học	12	1,95 m²/trẻ em
1	Phòng học kiên cố	12	1,95 m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4.907	12,32 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	2355	5,91 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	1037	2.60 m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	1037	2.60 m ² /trẻ em
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	195	0.48 m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	120	0.30 m ² /trẻ em
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	90	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	90	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	153	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	12	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	12	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	06	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số ...)		

1	Ti vi	13	
2	Máy vi tính	20	
3	Đầu đĩa	13	
4	Máy chiếu	1	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	14	12		0.53 m ² /trẻ em	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu-điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Hóc Môn, ngày 06 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Kim Tiến

Biểu mẫu 04

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON NHỊ XUÂN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở
giáo dục mầm non, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	42	0	0					0						
I	Giáo viên	26	0	0	22	4	0	0	0	24	2	12	14	0	0
1	Nhà trẻ	5	0	0	5	0	0	0	0	5	0	0	5	0	0
2	Mẫu giáo	21	0	0	17	4	0	0	0	19	2	12	9	0	0
II	Cán bộ quản lý	3													
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	0	2	0	0	0	0	1	1	1	1	0	0
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Thủ quỹ	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Nhân viên khác	11	0	0	0	0	1	6	0	0	0	0	0	0	0

Hóc Môn, ngày 06 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
MẦM NON
NHỊ XUÂN
Đỗ Thị Kim Tiền

Đơn vị: **TRƯỜNG MẦM NON NHỊ XUÂN**

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM HỌC 2022-2023

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: 1000 đồng

STT TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	592.916
1	Lệ phí	
2	Học phí	592.916
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	592.916
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0,00
1	Lệ phí	
2	Phí	
	Học phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.971.052
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.971.052
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.971.052
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.487.619
3.2	Kinh phí cải cách tiền lương	1.394.783
3.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	88.650
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

Ngày 06 tháng 06 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Kim Tiền